

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp quan trọng của FED về quyết định nâng lãi suất

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trước diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, QNS

[Cập nhật công ty]

TCB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu

26/7/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,185.07	-0.29
VN30	1,218.49	-0.34
HĐTL VN30F1M	1,218.90	-0.25
HNXIndex	282.88	-0.88
HNX30	507.11	-1.06
UPCoM	88.41	+0.07
USD/VND	23,364	-0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.35	+5
Lãi suất qua đêm (%)	3.40	+50
Dầu (WTI, \$)	98.38	+1.74
Vàng (LME, \$)	1,721.66	+0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,185.07 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 434.8 (+14.3%)
GTGD (triệu US\$) 404.3 (-4.7%)

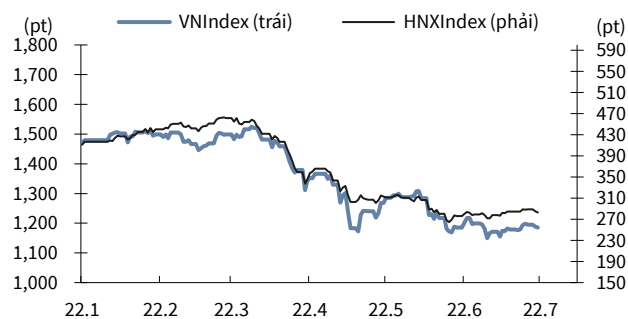
HNXIndex 282.88 (-0.88%)
KLGD (triệu CP) 55.2 (-12.8%)
GTGD (triệu US\$) 33.6 (-34.2%)

UPCoM 88.41 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 36.3 (+4.5%)
GTGD (triệu US\$) 31.8 (+30.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.6

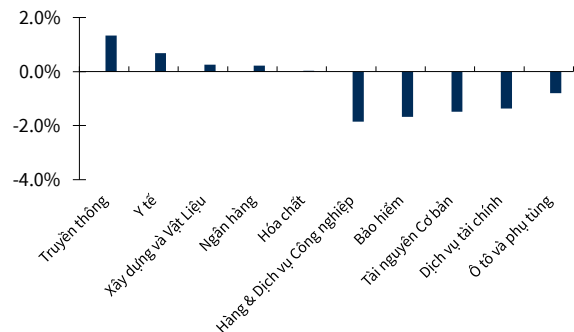
TTCK Việt Nam giảm điểm khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp quan trọng của FED về quyết định nâng lãi suất. Giá heo hơi các miền quay đầu giảm giá từ 1,000 - 5,000 VND/kg khiến cổ phiếu chăn nuôi giảm giá ở DBC (-4%), BAF (-2.5%). Cổ phiếu nhóm thép giảm giá ở SMC (-3.6%), HPG (-1.1%) sau khi các doanh nghiệp ngành thép công bố báo cáo tài chính Q2 với lợi nhuận sụt giảm mạnh như Hòa phát lợi nhuận Q2/2022 chỉ đạt 4,023 tỷ đồng (-59% YoY), SMC đạt 43 tỷ đồng (-92% YoY). Gazprom thông báo việc tạm ngừng hoạt động của một turbine khiến công suất của Nord Stream 1 từ Nga đến Đức giảm xuống còn 33 triệu m3/ngày, chỉ còn lại 20% kể từ ngày 27/7 tác động tích cực đến cổ phiếu dầu khí ở PVD (+2.2%), BSR (+1.3%). Khối ngoại mua ròng ở VCB (+1.4%), MWG (-0.5%). SSI (-1%).

VNIndex & HNXIndex



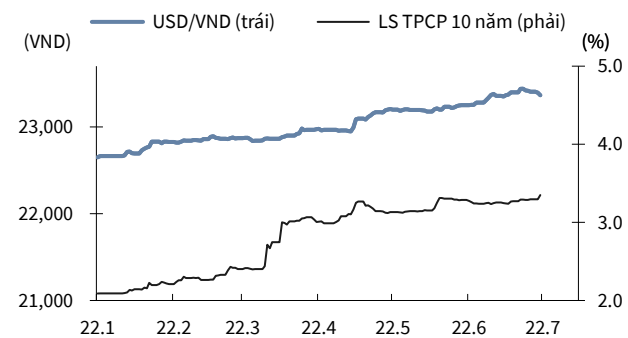
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

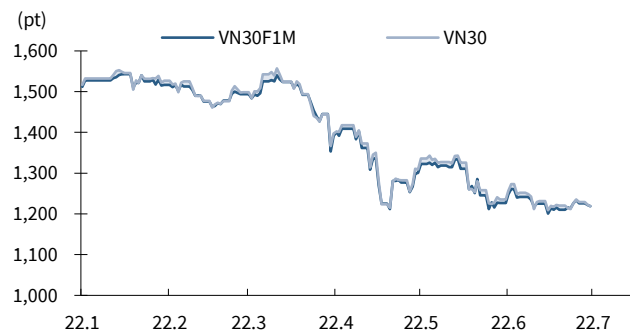
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,218.49 (-0.34%)
VN30F1M	1,218.9 (-0.25%)
Mở cửa	1,222.1
Cao nhất	1,225.5
Thấp nhất	1,217.3

Các HĐTL giảm điểm trước diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2207 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 0.4 điểm sau đó biến động trong biên độ hẹp trong khoảng -2.0 và 4.4 điểm và đóng cửa ở mức 0.4 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản giảm nhẹ.

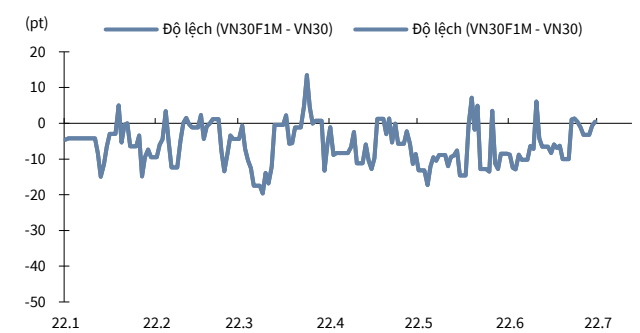
KLGD (HĐ)	154,236 (-17.7%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



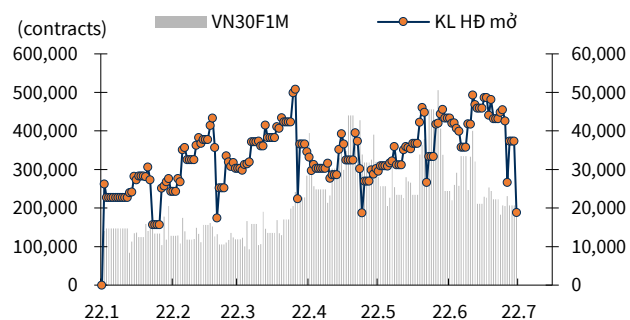
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



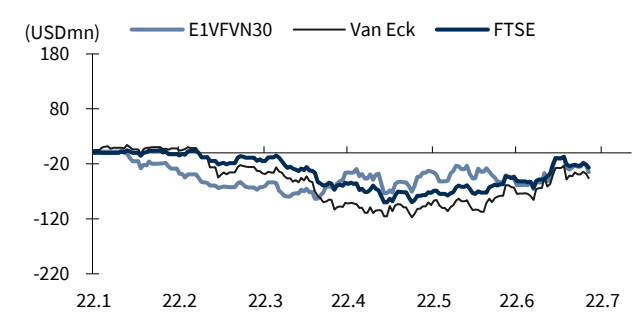
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

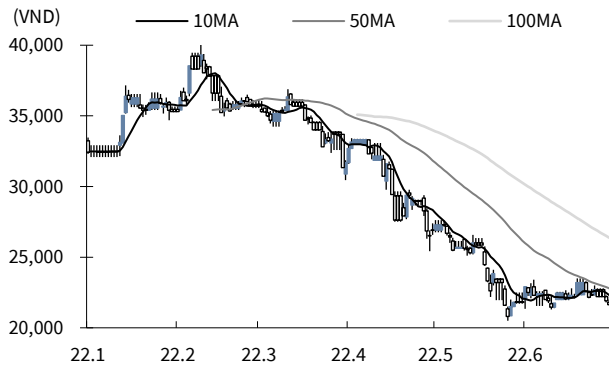
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

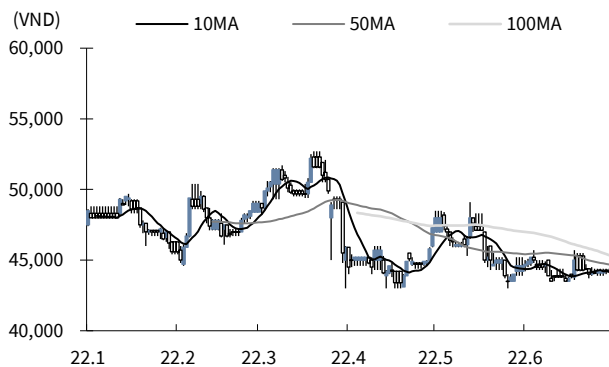


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 1.14% xuống 21,650 VND/cp

- Tập đoàn Hòa Phát công bố KQKD quý II với lợi nhuận đạt 4,023 tỷ đồng, giảm 59% YoY, ghi nhận mức thấp nhất trong 7 quý và doanh thu đạt 37,714 tỷ đồng, tăng 6% YoY. Sản lượng bán hàng phôi thép, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng quý II đạt 1.8 triệu tấn, trong đó có gần 380,000 tấn thép xây dựng xuất khẩu. Tiêu thụ ống thép, tôn mạ lần lượt đạt 159,000 và 75,000 tấn.

CTCP Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS đóng cửa ở giá tham chiếu 44,200 VND/cp

- Đường Quảng Ngãi công bố báo cáo tài chính quý II với lợi nhuận 365 tỷ đồng (+1.3% YoY) và doanh thu đạt 2,226 tỷ đồng (+9.1% YoY).

- Mới đây, QNS cũng đã thông qua nghị quyết điều chỉnh diện tích sử dụng đất của dự án Dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE từ 5,000 m² lên 6,100 m². Bên cạnh đó, Đường Quảng Ngãi dự kiến đưa dự án sửa chữa ống tại nhà máy sửa đập nành Vinasoy vào vận hành thương mại trong năm.

Techcombank (TCB)

Duy trì tăng trưởng tốt giữa khó khăn

Chuyên viên Phân tích Tài chính

Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

26/07/2022

2Q2022, LNTT tăng 21.6%YoY, đạt 7,321 tỷ VND.

TCB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 2 đạt 7,794 tỷ VND (-3.9%QoQ và +18.3%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 3,241 tỷ VND (+62.5%QoQ và +23.8%YoY). Chi phí dự phòng 2Q2022 chỉ khoảng 417 tỷ VND, gần gấp 2 quý 1 nhưng giảm mạnh 30%YoY. Nhờ đó, LNTT 2Q2022 tăng khoảng 21.6%YoY và 7.9%QoQ, đạt 7,321 tỷ đồng. Lũy kế 6T2022, LNTT đạt 14,106 tỷ VND (+22.3%YoY), hoàn thành 52% kế hoạch năm.

NIM 2Q2022 đạt 7.43%, giảm mạnh 44bps QoQ.

Lợi suất bình quân từ hoạt động cho vay vẫn tiếp tục giảm tới 37bps QoQ do khó khăn trong hoạt động cho vay cũng như tỷ suất sinh lời của danh mục chứng khoán đầu tư giảm 1.21 điểm %. Lãi suất đầu vào bình quân chỉ tăng nhẹ 7bps QoQ, đạt 2.22%. NIM giảm mạnh 44bps so với quý trước, xuống còn 7.43%.

Tín dụng và huy động vốn gần như không tăng trong quý 2.

Tăng trưởng cho vay khách hàng duy trì khả quan ở mức 12.8%YTD trong khi dư nợ trái phiếu doanh nghiệp giảm 21.2%YTD. Tín dụng từ đó tăng 7.6%YTD. Huy động từ thị trường liên ngân hàng tăng mạnh 25.6%YTD, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá lần lượt tăng nhẹ ở mức 2.2%YTD và 10.2%YTD

Chất lượng tài sản đứng đầu ngành.

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 giảm 7bps QoQ xuống chỉ còn 0.6%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng 10 điểm % so với quý trước lên mức 172%. Nợ tái cơ cấu tiếp tục đến cuối quý 2 chỉ còn khoảng 500 tỷ VND (chiếm 0.13% cho vay gộp).

Huy động thành công khoản vay hợp vốn lên tới 1 tỷ USD.

Vào 26/6/2022, Techcombank hoàn tất huy động thành công khoản vay hợp vốn trị giá lên tới 1 tỷ USD. Khoản huy động này sẽ bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Techcombank, giúp ngân hàng đáp ứng tốt hơn nhu cầu vay vốn cho khách hàng.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 53,300 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi điều chỉnh mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu TCB xuống 53,300 VND/cp, cao hơn 45.6% so với giá tại ngày 26/07/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 53,300
Tăng/giảm	45.6%
Giá hiện tại (26/07/2022)	36,600
Giá mục tiêu thị trường	66,750
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	125,690

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,751	26,699	32,523	38,134
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	18,411	25,903	30,200	37,456
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	12,325	18,052	22,352	27,415
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,515	5,137	6,354	7,778
Tăng trưởng EPS (%YoY)	22.4%	46.1%	23.7%	22.4%
PER (x)	8.95	9.71	8.39	6.85
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,392	25,476	31,966	39,679
PBR (x)	1.54	1.96	1.67	1.34
ROE (%)	18.4%	22.0%	21.7%	21.3%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

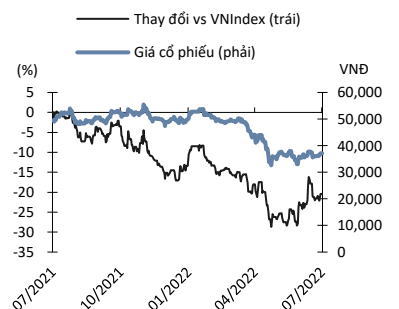
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	84.54%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	390/0.18
Sở hữu nước ngoài (%)	22.47%
Cơ cấu cổ đông	MSN
	(14.96%)

Biến động giá cổ phiếu

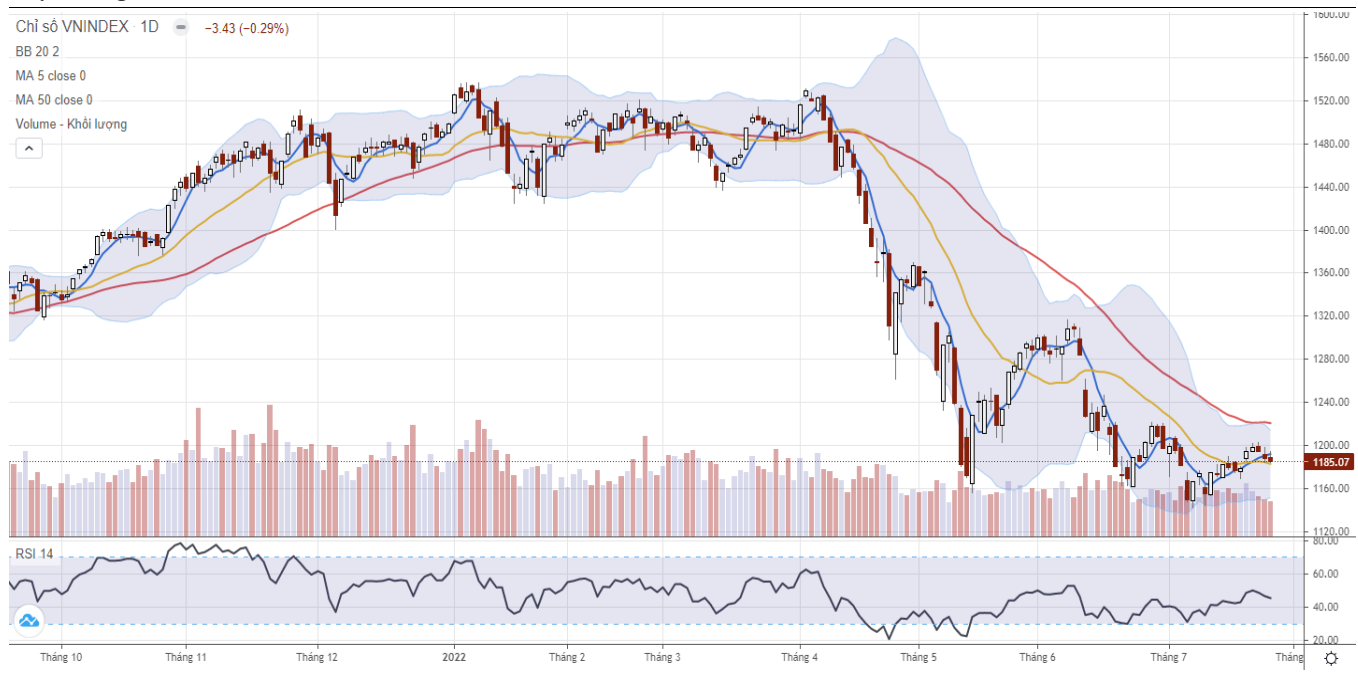
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4.5	-15.9	-26.2	-25.1
Tương đối	3.7	-2.9	-11.1	-20.4



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

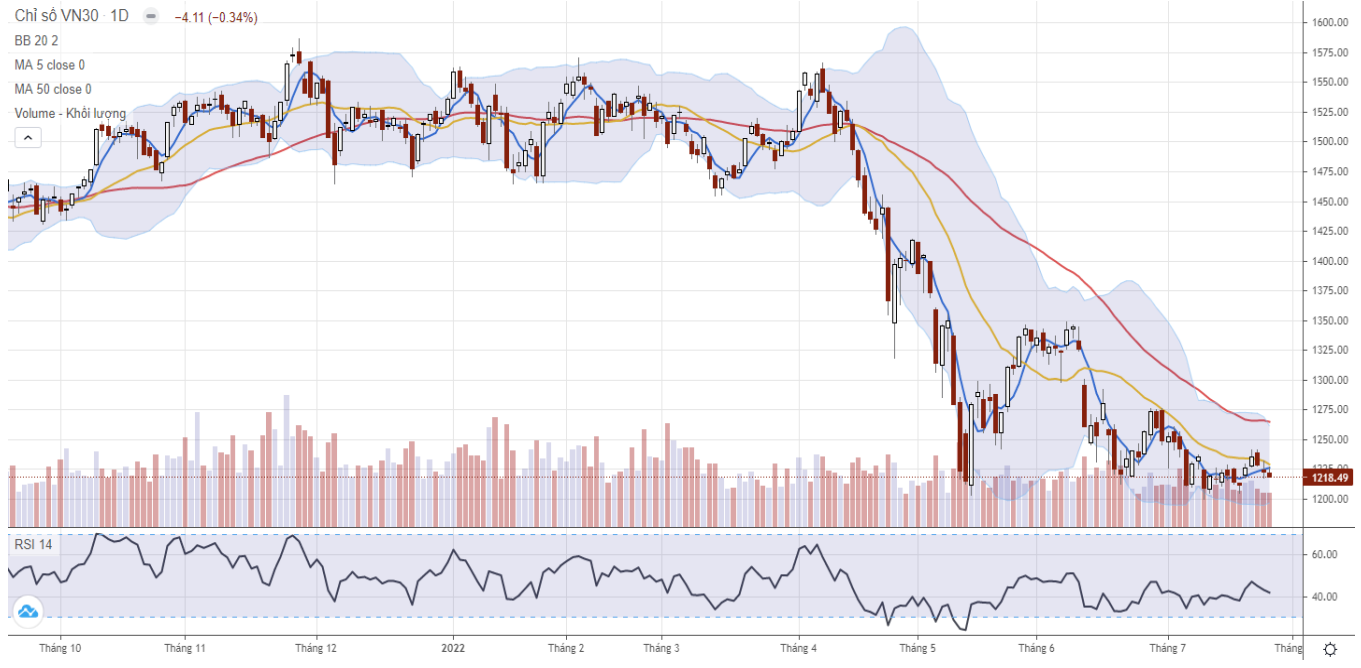
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



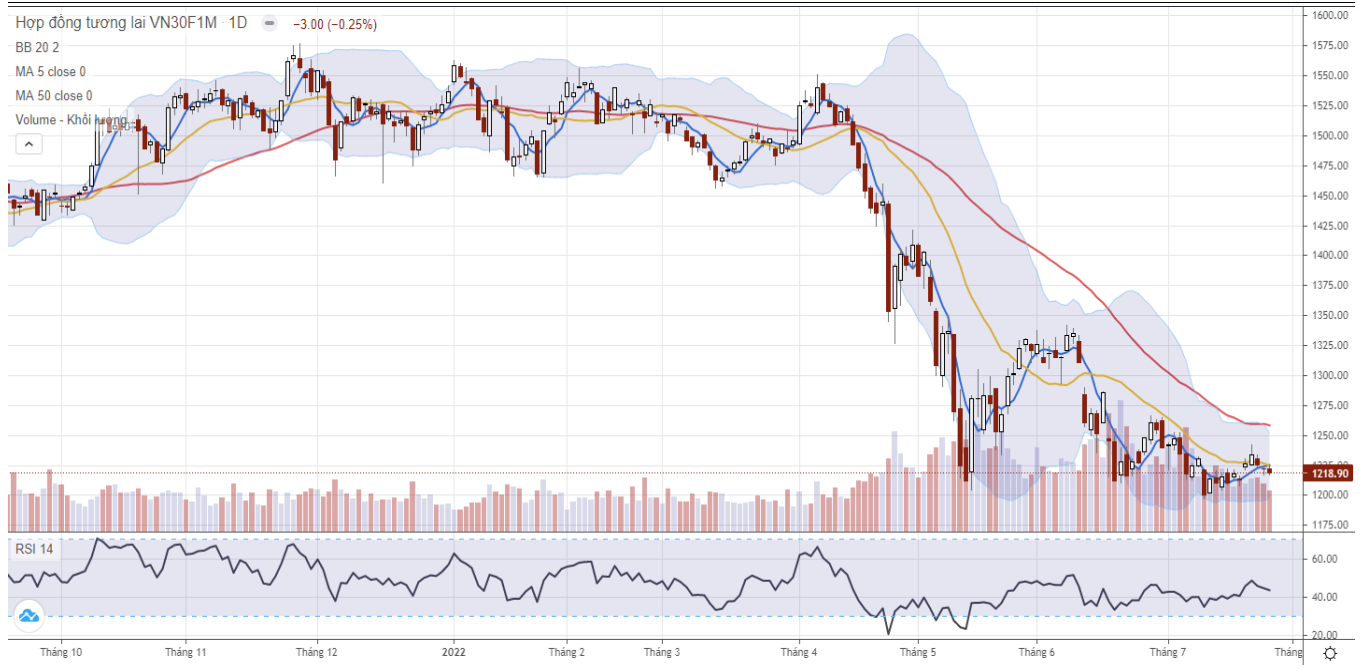
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên
- Tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước thềm cuộc họp của Fed khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số trong phiên sáng không duy trì được đến cuối phiên. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua diễn biến rung lắc trong những phiên kế tiếp với vùng cản gần được đặt quanh ngưỡng 1200.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1230 - 1234

Kháng cự gần: 1223 - 1225

Hỗ trợ gần: 1209 - 1213

Hỗ trợ xa: 1197 - 1202

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên
- Tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước thềm cuộc họp của Fed khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số trong phiên sáng không duy trì được đến cuối phiên. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua diễn biến rung lắc trong những phiên kế tiếp với vùng cản gần được đặt quanh ngưỡng 122x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

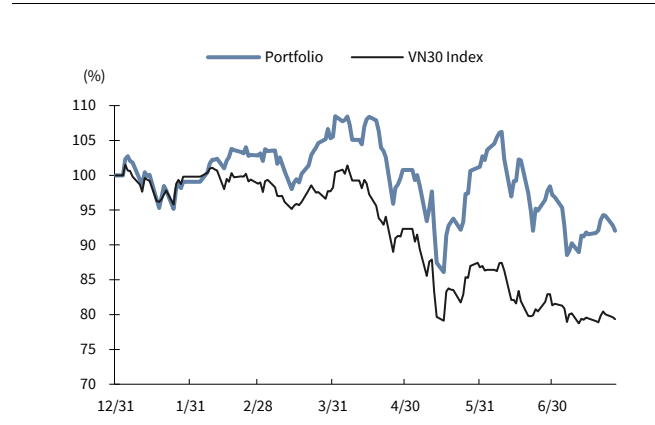
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.34%	-0.85%
Tăng lũy kế (YTD)	-20.66%	-7.97%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/07/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	63,000	-0.5%	63.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,300	0.8%	-15.4%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	112,000	-1.1%	47.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	166,100	-1.1%	-12.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	76,300	-4.1%	169.2%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,800	-0.7%	252.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,550	-0.2%	40.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,700	0.0%	42.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,650	-1.1%	96.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	36,000	-0.6%	252.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	1.4%	23.5%	23.4
MWG	-0.5%	48.9%	22.1
SSI	-1.0%	22.1%	21.6
LPB	0.7%	4.7%	20.5
KDH	2.1%	28.8%	19.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	-0.8%	14.4%	-33.1
VNM	-1.2%	54.7%	-69.8
DPM	2.4%	15.9%	7.7
GAS	0.0%	3.0%	-8.4
IJC	-3.6%	6.2%	-1.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.5%	2.0%	1.4
SD5	1.1%	4.6%	0.4
PVI	-0.2%	58.5%	0.3
SHS	-1.6%	6.7%	0.2
VNR	0.0%	27.1%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
APS	-5.6%	1.0%	-0.3
TNG	-2.3%	4.0%	-0.2
TOT	0.0%	3.4%	-0.1
INN	3.3%	4.9%	-0.1
TKU	0.0%	7.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	5.0%	MWG, DGW
Y tế	3.5%	DHG, TNH
Thực phẩm và đồ uống	2.5%	MSN, SAB
Xây dựng và Vật Liệu	2.1%	LGC, VGC
Công nghệ thông tin	2.0%	FPT, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-4.2%	BVH, MIG
Dầu khí	-3.0%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-2.8%	CTF, SVC
Tài nguyên Cơ bản	-2.5%	HPG, HSG
Hóa chất	-1.6%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	5.2%	VCG, VGC
Y tế	4.4%	IMP, DHG
Ngân hàng	2.9%	BID, VIB
Dịch vụ tài chính	2.7%	HCM, VIX
Thực phẩm và đồ uống	1.9%	VNM, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-11.4%	MWG, FRT
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.4%	PNJ, MSH
Hóa chất	-6.1%	DGC, GVR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.7%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	-4.4%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	99,556 (4.3)	22.5	73.3	31.1	14.7	3.5	7.5	2.5	2.3	-1.8	-3.9	11.4	-30.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	146,797 (6.3)	26.6	7.9	6.8	35.9	22.9	21.7	1.7	1.4	-0.3	-0.2	-7.1	-28.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	38,348 (1.6)	17.8	26.3	17.2	-7.6	7.2	10.3	1.8	1.7	-1.0	0.2	-5.4	-13.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	125,580 (5.4)	31.3	26.4	20.9	6.7	15.1	16.4	3.6	3.1	0.3	0.4	-0.1	-18.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	28,734 (1.2)	11.6	19.6	16.0	13.7	12.9	17.2	2.3	2.0	2.1	2.9	6.0	-20.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	163,900 (7.0)	13.9	12.0	11.9	-	13.5	11.6	1.4	1.3	2.7	7.7	9.8	-35.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	66,821 (2.9)	6.3	13.0	10.9	11.7	21.3	21.8	2.5	2.1	1.4	3.6	-1.5	-6.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	69,505 (3.0)	12.7	14.2	11.7	-5.3	16.0	17.2	1.9	1.6	0.4	-0.3	13.9	-4.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	159,217 (6.8)	0.0	6.0	5.1	14.3	20.7	19.8	1.1	0.9	-0.5	1.4	3.1	-26.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	105,754 (4.5)	1.4	7.2	6.0	50.3	18.3	20.5	1.1	1.0	-0.2	0.0	7.3	-21.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	238,557 (10.2)	0.0	6.7	6.4	18.8	20.3	17.0	1.2	1.0	0.2	-1.1	-1.6	-22.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	183,483 (7.9)	0.0	6.1	5.0	14.6	23.8	22.8	1.3	1.0	-0.4	-0.2	6.1	-13.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	35,297 (1.5)	4.2	6.6	5.4	23.3	22.9	22.3	1.3	1.1	0.0	0.9	2.6	-23.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	359,249 (15.4)	14.0	11.5	10.4	26.5	11.6	14.9	1.1	1.0	0.4	0.0	8.3	-27.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	42,525 (1.8)	0.0	11.7	6.5	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	-1.5	-0.6	3.8	-34.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,365 (0.3)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-1.3	-2.0	-4.3	-10.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	65,004 (2.8)	21.0	17.0	14.0	15.8	9.0	11.9	1.7	1.6	-1.8	-4.7	-0.7	-2.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,476 (0.2)	14.2	13.6	11.0	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	-0.9	-3.5	-6.1	-36.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	355,913 (15.2)	55.4	7.4	6.9	-3.2	19.3	16.4	1.2	1.0	-1.0	-1.9	8.9	-58.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	146,013 (6.2)	71.9	8.2	7.9	-4.0	24.7	20.6	1.7	1.5	-2.3	-0.8	11.9	-48.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	159,191 (6.8)	52.4	9.0	8.7	-19.0	18.2	15.9	1.4	1.3	-1.7	1.2	27.1	-44.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	435,082 (18.6)	27.2	7.8	6.6	36.3	25.7	24.3	1.8	1.5	-2.9	-2.9	5.8	-45.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	139,095 (6.0)	42.1	16.7	15.3	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	-1.2	-1.1	0.7	-16.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	13,179 (0.6)	36.9	25.1	21.0	7.3	20.0	21.3	4.6	4.1	1.6	7.0	7.8	11.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	69,611 (3.0)	16.5	24.7	19.8	-51.9	17.7	19.8	4.0	3.4	1.3	7.8	0.5	-22.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	67,085 (2.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	-6.6	28.7	-46.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	68,192 (2.9)	11.0	52.2	18.3	-88.5	8.9	21.6	-	-	-0.6	0.5	-2.5	-2.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	68,395 (2.9)	10.8	18.9	15.3	-57.0	11.8	13.3	2.1	2.0	0.8	2.9	-3.1	6.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	71,717 (3.1)	38.4	6.7	32.5	65.7	14.1	2.6	0.9	0.9	0.0	-0.3	13.4	-58.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	16,537 (0.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.7	-4.6	11.4	-78.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	166,168 (7.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-4.0	0.5	13.2	-47.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	40,317 (1.7)	3.6	55.7	15.0	-52.4	1.1	3.4	0.5	0.5	1.1	-5.8	8.5	-48.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	77,993 (3.3)	0.0	11.5	10.4	-4.5	16.0	14.2	1.7	1.7	-4.1	-6.0	11.1	27.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	87,295 (3.7)	46.1	15.1	14.7	-17.5	23.4	22.0	3.4	3.1	0.0	2.7	-8.2	8.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	39,925 (1.7)	31.4	12.3	11.4	-10.5	15.0	14.8	1.7	1.6	-2.5	-0.4	4.3	-3.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,186 (0.1)	34.1	21.1	9.4	-5.1	5.9	12.5	-	-	-0.9	0.3	-1.1	-27.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	419,455 (18.0)	18.0	4.5	4.6	21.9	28.6	22.1	1.0	0.9	-1.1	-2.3	-0.7	-39.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	150,804 (6.5)	36.5	4.4	7.1	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	2.4	-	-	-9.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	127,464 (5.5)	46.5	5.5	7.9	-4.5	35.7	20.6	1.6	1.5	2.8	-0.9	19.3	-20.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	121,365 (5.2)	38.9	3.4	4.0	67.9	23.1	15.8	0.6	0.6	-5.7	-4.9	4.4	-55.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	44,739 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.8	3.0	2.5	-40.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	18,901 (0.8)	4.6	19.1	15.5	-51.0	11.0	12.3	2.0	1.8	-0.6	-3.0	0.1	-24.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	76,777 (3.3)	39.9	30.9	15.4	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	2.2	-3.5	-2.4	-32.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	40,503 (1.7)	35.9	8.0	7.4	2.2	13.2	13.6	1.1	1.1	0.3	-4.3	-1.0	-21.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	212,915 (9.1)	0.0	15.9	13.9	14.4	26.0	26.0	3.9	3.5	-0.5	5.0	-	-7.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	83,855 (3.6)	0.0	16.9	13.7	2.4	23.5	23.0	3.1	2.6	-1.1	1.4	-8.2	16.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,301 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.4	-3.6	10.1	-5.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	99,111 (4.2)	30.3	16.5	14.3	-75.2	30.0	27.0	4.4	3.5	0.7	9.1	-	15.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,402 (1.3)	34.6	9.2	10.6	41.2	33.0	24.6	2.7	2.4	-0.9	-1.1	0.8	-8.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	850 (0.0)	45.4	14.6	13.6	10.7	21.3	20.6	2.9	2.6	0.5	5.4	6.4	-18.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	122,589 (5.2)	0.0	17.7	14.6	15.5	26.8	28.3	4.5	3.8	-0.7	2.2	-0.8	9.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.